TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Mỹ D, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 5b, ấp V, xã V, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phúc N, sinh năm 1983; cư trú tại: Số 66, khóm V, thị trấn VTT, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VTT vào ngày 14/11/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể

hàn gắn. Ngoài ra, nguyên nhân còn do ông N cờ bạc, không quan tâm đến kinh tế gia đình, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông N không thay đổi, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/10/2020, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Nguyễn Phúc N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Phúc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N đồng ý ly hôn với bà D.

- Về con chung: Thống nhất theo lời trình bày của bà D. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, cho bà D được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Ngọc T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VTT theo giấy chứng nhận kết hôn số 189/2019 ngày 14/11/2019. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông bà đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng không thành, tại phiên tòa bà D và ông N thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ khi ly thân đến nay con chung do bà D nuôi dưỡng, tại phiên tòa bà D và ông N thống nhất khi ly hôn con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về tâm lý, về môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng quyết định của các đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Ngọc T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: Bà D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Phúc N.

- Về con chung: Bà Lâm Thị Mỹ D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/01/2020. Ông N không phải cấp dưỡng cho con do bà D không yêu cầu.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự: Bà Lâm Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009267 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tuấn **Trương Thị Thu Thủy** **Trần Văn Quang**